

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CP BAO BÌ
ĐẠM PHÚ MỸ
Số: 02/BC- BBĐPM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Mỹ, ngày 10 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500874315 (số cũ: 4903000566) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 17/08/2022.
- Vốn điều lệ: 42.000.000 (Bốn mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 42.000.000 (Bốn mươi hai tỷ đồng)
- Địa chỉ: Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu
- Số điện thoại: 0254 3 921 999; Số fax: 0254 3 921 966;
- Website: www.dpmp.vn
- Mã cổ phiếu: PMP
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:
 - + Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tiền thân là Nhà máy Sản xuất bao bì Hương Phong, thuộc Công ty TNHH Hương Phong được chính thức vận hành từ ngày 1/10/2004 với công suất thiết kế 30 triệu bao phân bón, nông sản và xi măng.
 - + Ngày 17/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở hợp tác giữa Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đề cử doanh nghiệp trực thuộc là Công ty TNHH Hương Phong và Công ty con là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí tham gia góp vốn thành lập.

- + Ngày 19/05/2008 Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- + Ngày 20/10/2010, khởi công xây dựng Dự án mở rộng quy mô và nâng cao năng lực Nhà máy sản xuất Bao bì giai đoạn 2. Năm 2012 Dự án hoàn thành và đi vào sản xuất, nâng công suất toàn nhà máy lên 45 triệu bao phân bón, nông sản và xi măng. Trong quá trình hoạt động, Công ty tiếp tục đầu tư bổ sung, đồng bộ hóa hệ thống máy móc thiết bị, dừng vận hành dây chuyền sản xuất dòng bao xi măng, cơ cấu lại danh mục sản phẩm. Đến thời điểm hiện tại, công suất toàn nhà máy đạt 60 triệu bao phân bón, nông sản.
- + Ngày 22/05/2015, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Ngày 30/06/2015, Cổ phiếu Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 400/QĐ-SGDHN. Ngày 22/09/2015 cổ phiếu PMP giao dịch phiên đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- + Năm 2017 Công ty hoàn thành đầu tư Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm mới, dòng bao bì Jumbo, bao gồm 1 dây chuyền sản xuất bao Jumbo hoàn chỉnh và hệ thống xưởng may Jumbo sạch, đến nay hàng năm sản lượng đạt được 500 - 800 nghìn bao.
- + Ngày 05/04/2022, Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ - Nhà máy sản xuất Bao bì Jumbo được cấp phép hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký số 3500874315-001, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 20/04/2022. Nhà máy sản xuất Bao bì Jumbo, được thành lập trên cơ sở tách Xưởng May thử nghiệm trực thuộc phân xưởng Sản phẩm, là đơn vị hạch toán phụ thuộc, chuyên sản xuất các loại bao bì từ PP, PE cỡ lớn, có thể chứa đến 2 tấn sản phẩm/bao. Nhà máy Jumbo được xây dựng mới, nằm trong khuôn viên Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ, đáp ứng điều kiện cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn FSSC 2022, đưa vào vận hành chính thức từ tháng 4/2022. Ngày 14/12/2022, Nhà máy sản xuất Bao bì Jumbo chính thức nhận giấy chứng nhận tiêu chuẩn FSSC cho sản xuất dòng bao bì đựng thực phẩm.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE;
- + Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE, mua bán phân bón các loại; mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE;
- + Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng điện tử;
- + Mua bán nhiên liệu động cơ;
- + Vận tải bằng ô tô;
- + Mua bán vật tư, thiết bị ngành công nghiệp;
- + Mua bán giấy, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm;

- + Cho thuê kho bãi;
- + In ấn, và các dịch vụ liên quan đến in...

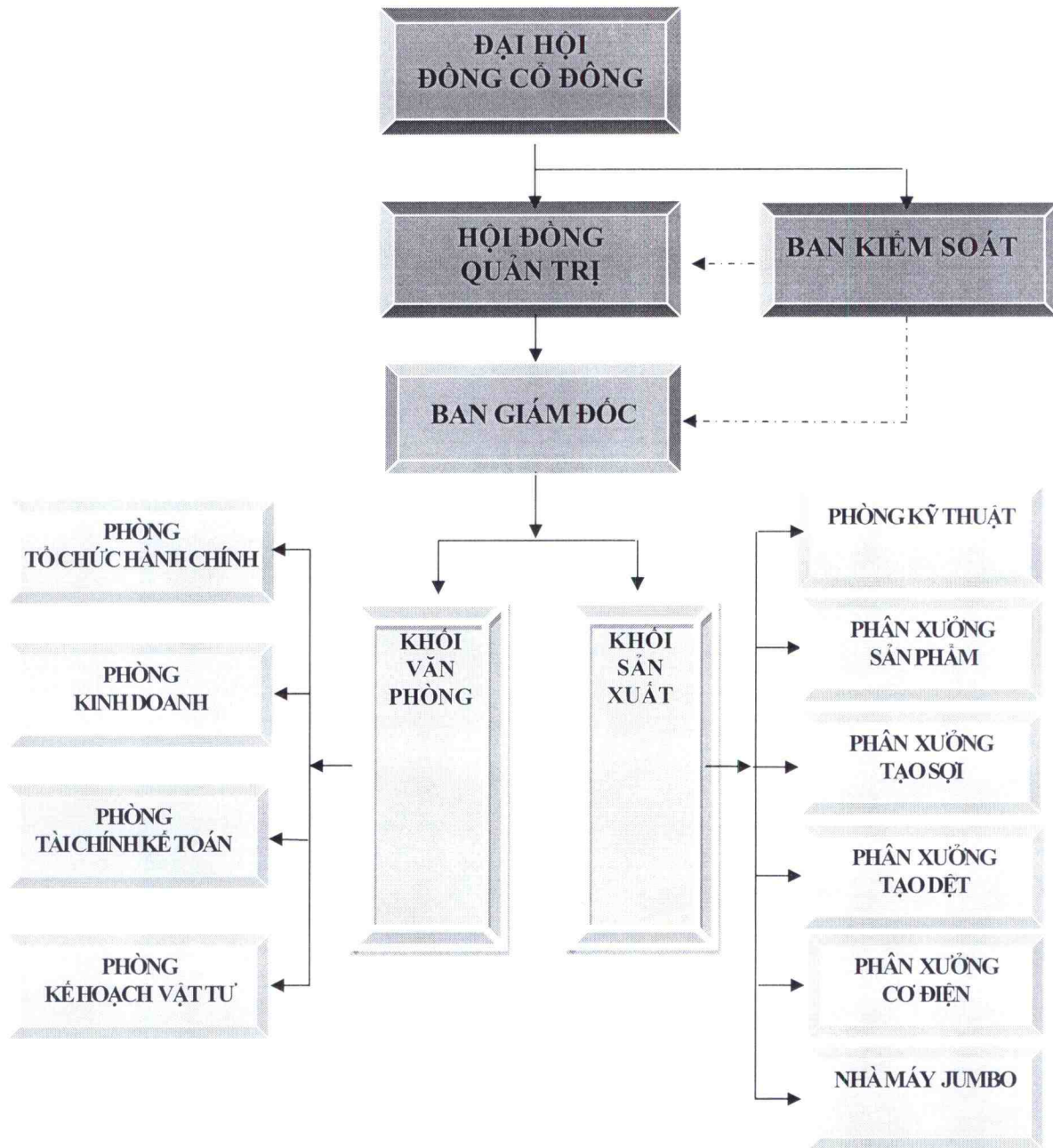
Trong đó ngành nghề kinh doanh chính chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bao bì PP, PE.

- Địa bàn kinh doanh:
 - + Hàng xuất khẩu: 55% sản lượng của Công ty bao gồm: Nhật, Philippine, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, ...
 - + Hàng nội địa: 45% sản lượng của Công ty, bao gồm Phú Mỹ và chủ yếu là các tỉnh phía Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp):
 - + Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
 - + Hội đồng quản trị (HĐQT): Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.
 - + Ban kiểm soát (BKS): Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.
 - + Ban điều hành (BDH): Bao gồm Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và các Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị về hoạt động tài chính của Công ty.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:

- + Sơ đồ tổ chức của Công ty.



- + Bộ máy quản lý cấp Ban điều hành trở lên (như mục mô hình quản trị);
 - + Bộ máy quản lý cấp dưới Ban điều hành gồm Trưởng/phó các phòng ban theo sơ đồ tổ chức của Công ty.
 - Các công ty con, công ty liên kết: Không có.
- 4. Định hướng phát triển**
- Định hướng phát triển của Công ty: Gia tăng được lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị trường, nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty trên thị trường trong nước và xuất khẩu.
 - Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Quản lý và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.
- + Khai thác năng suất máy > 90% công suất thiết bị.
- + Thời gian dừng máy do sự cố thiết bị <1% so với tổng thời gian vận hành.
- + Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, với giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.
- + Hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến khách hàng, nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- + Gia tăng tỷ trọng xuất khẩu.
- + Đẩy mạnh phát triển dòng sản phẩm Bao bì Jumbo.
- + Gia tăng thị phần dòng sản phẩm BOPP, bao bì đựng thực phẩm, bao bì chứa hóa chất.
- + Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng): duy trì việc làm, đảm bảo đạt chỉ tiêu tiêu chuẩn môi trường đã đăng ký, trao quà an sinh xã hội cho đối tượng chính sách tại địa phương.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Sản phẩm luôn có chất lượng cao và ổn định.
 - + Nằm trong Top 10 các công ty sản xuất bao bì trong nước về sản lượng sản xuất Bao bì
 - + Trở thành nhà cung cấp đáng tin cậy cho thị trường Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ.
 - + Đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở tập trung vào một số dòng sản phẩm xuất khẩu chọn lọc có giá trị gia tăng cao.
 - + Trở thành những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực bao bì, giúp khách hàng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan tới sử dụng bao bì (thiết kế bao bì mới, nhận diện được sản phẩm thật/giả, logistics,...).
 - + Luôn đảm bảo hiệu quả kinh tế cho Công ty và khách hàng. Duy trì LNST/VĐL không thấp hơn 20%.
 - + Duy trì mức cổ tức hàng năm không thấp hơn 10%.
 - + Duy trì việc làm hàng năm cho khoảng 400 lao động, trong đó ưu tiên việc tiếp nhận lao động địa phương.
 - + Không vi phạm các chỉ tiêu đạt chuẩn môi trường đã công bố, đăng ký.
 - + Hàng năm thực hiện công tác an sinh xã hội, trao quà cho các đối tượng chính sách, ít nhất 1 lần/năm.

5. Các rủi ro

- **Rủi ro kinh tế:** Sự phát triển của nền kinh tế ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Khi nền kinh tế phát triển kéo theo sự phát triển của

các ngành, các doanh nghiệp. Giao thương hàng hóa sôi động sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng bao bì, đòi hỏi mẫu mã đẹp hơn để đẩy mạnh quảng bá thương hiệu thu hút người tiêu dùng, chất lượng bao bì tốt hơn để bảo quản sản phẩm đúng quy định hơn. Ở chiều ngược lại, sự phát triển kém sôi động của các yếu tố vĩ mô làm cho các doanh nghiệp hoạt động không tốt sẽ cần tiết giảm chi phí cho việc thiết kế mẫu mã bao bì hoặc tìm các nguồn cung khác với giá rẻ,... Dù nền kinh tế thay đổi theo chiều hướng nào cũng đều tác động đến nhu cầu sử dụng bao bì, do đó tác động đến các đơn vị cung cấp vỏ bao về việc nắm bắt thị hiếu tiêu dùng để xây dựng mục tiêu và định hướng phát triển doanh nghiệp.

- **Rủi ro cạnh tranh:**

- + Ngành nhựa bao bì còn nhiều dư địa tăng trưởng, đồng thời số lượng công ty sản xuất bao bì lớn, điều này khiến mức độ cạnh tranh trong mảng nhựa bao bì ngày càng gia tăng. Các doanh nghiệp phải đối mặt trước hết cạnh tranh về giá thành sản xuất, chất lượng, mẫu mã sản phẩm để chiếm lĩnh thị trường đầu ra nhằm đảm bảo mức lợi nhuận kỳ vọng. Ngoài ra, nhằm thu hút khách hàng, buộc các đơn vị cung cấp đưa ra những chính sách cạnh tranh về dịch vụ, cho thời hạn nợ dài hơn, điều này dẫn đến những rủi ro về việc thu hồi công nợ, thương thảo hợp đồng,...
- + Ở chiều hướng khác, việc có thêm các doanh nghiệp nhựa gia nhập thị trường tạo ra sự bất lợi hơn cho các doanh nghiệp đi trước về việc cải tiến công nghệ sản xuất. Điều này là do đặc thù công nghệ sản xuất và thiết bị thường xuyên thay đổi nhưng giá trị đầu tư lại lớn, nếu thị hiếu người tiêu dùng thay đổi liên quan đến việc thay đổi công nghệ sản xuất, đầu tư mới thiết bị sẽ là lựa chọn khó khăn cho các doanh nghiệp đi trước.

- **Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào nhập khẩu:** Là doanh nghiệp sản xuất bao bì nên nguyên liệu đầu vào chính của Công ty là hạt nhựa. Giá trị nguyên liệu nhựa chiếm đến gần 80% giá thành sản xuất sản phẩm. Hiện nguồn nguyên liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất tại Công ty chiếm hơn 90% là từ nguồn nhập khẩu. Do đó, hoạt động của Công ty chịu tác động chủ yếu và sự biến động giá nguyên liệu nhập khẩu theo giá dầu. Ngoài ra, giá nhựa còn chịu rủi ro biến động theo giá nhập khẩu nguyên vật liệu, giá thành sản xuất còn chịu ảnh hưởng về độ trễ của quá trình nhập nhựa, kéo dài thường từ 45-60 ngày. Khi nhựa về đến Công ty thì giá nhựa đã có những thay đổi nhất định trong khi đó việc chốt giá bán đơn hàng theo giá cập nhật tại thời điểm nhận đơn hàng. Do vậy, rủi ro biến động giá nguyên vật liệu tác động chính đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Rủi ro lãi suất:** Vốn lưu động của Công ty chủ yếu từ nguồn vốn vay ngân hàng. Việc này làm phát sinh rủi ro lãi suất. Trong năm, lãi suất cho vay đối với khu vực sản xuất kinh doanh điều chỉnh tăng nên đã ảnh hưởng đáng kể đến chi phí tài chính của doanh nghiệp.

- **Rủi ro tỷ giá:** Ngoài việc chịu ảnh hưởng của tỷ giá cho hoạt động mua nguyên vật liệu đầu vào hoặc các máy móc thiết bị không thể mua được từ thị trường trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất, Công ty còn có các mặt hàng xuất khẩu ra

nước ngoài, phần thu ngoại tệ cũng tác động đến doanh thu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty sử dụng một phần vốn vay ngân hàng bằng đồng ngoại tệ nên khi tỷ giá biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty. Do đó, rủi ro tỷ giá là cũng là một rủi ro quan trọng được Công ty theo dõi và đánh giá thường xuyên để có những động thái phù hợp về bán hàng trong quá trình giao thương.

- **Rủi ro sử dụng sản phẩm thay thế:** Các sản phẩm từ nhựa hiện nay đang được tiêu thụ rộng rãi các sản phẩm nhựa bởi tính nhẹ, bền, dẻo dai và chi phí thấp. Chính vì những ưu điểm đó mà việc sử dụng rộng rãi đã tạo cho các sản phẩm này lợi thế mà ít các sản phẩm hay chất liệu khác có thể dùng để thay thế được. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ vật liệu, tính bất ngờ của các sản phẩm thay thế cho nhựa là không thể bỏ qua. Đồng thời, liên quan đến bảo vệ môi trường, bao bì thân thiện với môi trường sẽ là xu hướng tiêu dùng thay thế sản phẩm bao bì nhựa. Tuy nhiên, với dòng sản phẩm công ty đang cung cấp thì khả năng thay thế thấp hơn. Do vậy, tác động từ sản phẩm thay thế trong kế hoạch ngắn hạn là không đáng kể, tuy nhiên, để xác định định hướng phát triển thì đây là yếu tố có tác động rất lớn để xây dựng mục tiêu phát triển và kế hoạch đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị sản xuất.
- **Rủi ro về dịch bệnh:** Khi tình hình dịch bệnh lây lan mang tính toàn cầu có tác động ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đối với các loại dịch bệnh có tính chất lây lan mang tính toàn cầu như dịch Covid-19 đã dẫn đến hàng loạt các hệ lụy về hạn chế nguồn cung lao động, khan hiếm nguồn lực cho sản xuất, giao thương ngừng trệ... hàng loạt các ảnh hưởng tiêu cực đã khiến cho rất nhiều nhà máy, doanh nghiệp phải đóng cửa, cắt giảm sản xuất. Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ nói riêng chịu ảnh hưởng không chỉ trong giai đoạn dịch cao điểm bùng phát bởi các hệ lụy nêu trên, mà trong năm qua, giai đoạn hậu Covid, khi nền kinh tế toàn cầu chưa được hồi phục, sức mua yếu thì lượng hàng tiêu thụ của Công ty bị sụt giảm theo.
- **Rủi ro chiến tranh:** Khi chiến tranh xảy ra, ngoài sự tổn thất của những nước giao tranh, còn gây tác động dây chuyền tới nền kinh tế toàn cầu do sự tham gia hội nhập sâu rộng và các chính sách mở cửa đối với nền kinh tế toàn cầu. Từ cuối năm 2021 đến nay, cuộc chiến giữa Nga – Ukraina vẫn chưa đi đến hồi kết đã làm trầm trọng thêm các tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu, kìm hãm đà phục hồi nền kinh tế sau đại dịch. Các biện pháp đối phó với chiến tranh tiếp tục ngăn trở giao thương kinh tế, phá vỡ các chuỗi cung ứng từ sản xuất nông nghiệp, nguyên vật liệu cho tới những sản phẩm cuối cùng cung cấp cho cuộc sống như lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc, vật liệu xây dựng... đã khiến sản xuất tiếp tục ngừng trệ, hàng hóa vật chất hạn chế, lạm phát tăng cao tại các nước... ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng bao bì.

- **Rủi ro luật pháp**

Là Công ty sản xuất kinh doanh sản phẩm Bao bì nhựa, niêm yết trên sàn chứng khoán, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật thuế

thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế bảo vệ tài nguyên môi trường...

- Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như: Bão lớn, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất,... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty để hạn chế bớt các rủi ro này.

Các hoạt động quản trị rủi ro

Công ty áp dụng Hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong việc quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Hoạt động này được đánh giá hàng năm và duy trì thực hiện tốt trong nhiều năm qua.

Ngoài ra, thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng, các Bộ phận chuyên môn nhận định tình hình, xây dựng mục tiêu hàng tháng theo chức năng năng, nhiệm vụ của mình, xác định các rủi ro và các đưa ra biện pháp để loại bỏ/né tránh/chấp nhận để giải quyết vấn đề một cách phù hợp với tình hình thực tế nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Trong năm 2022, Công ty hoàn thành sản lượng tiêu thụ dòng bao truyền thống, dòng bao Jumbo không đạt kế hoạch. Các chỉ tiêu tài chính Công ty bám sát được kế hoạch đề ra. So với năm 2021, Công ty duy trì hoạt động ổn định. Các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đạt tương đương với mức đạt được của năm 2021. Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng từ cuộc suy thoái nền kinh tế nói chung và ngành bao bì nói riêng dưới tác động của cuộc chiến tranh Nga – Ukraina trong giai đoạn hậu covid nên kể từ quý 2/2022, lợi nhuận đạt được ở mức thấp hơn so với năm 2021. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 so với kế hoạch và so với thực hiện năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2022	TH năm 2022	Tỷ lệ TH/KH 2022	TH năm 2021	TH 2022/TH 2021
1	Sản lượng sản xuất						
	Dòng bao truyền thống	Tr.b	72	68,1	95%	67,3	101%
	Dòng bao Jumbo	Ngh.b	800	456,1	57%	811,5	56%
2	Sản lượng tiêu thụ						
	Dòng bao truyền thống	Tr.b	72	73,4	102%	73,5	100%
	Dòng bao Jumbo	Ngh.b	800	506,8	63%	811,2	62%
3	Doanh thu	Tỷ.đ	563,754	552,778	98%	593,667	93%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	9,245	9,147	99%	8,586	106%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	7,396	7,142	97%	6,722	106%

- Dòng bao truyền thống: Sản lượng sản xuất không đạt kế hoạch, sản lượng tiêu thụ đạt kết hoạch năm là do lượng hàng tồn kho năn trước nên sản xuất vẫn đảm bảo được sản lượng tiêu thụ đạt kết hoạch. Sản lượng sản xuất duy trì mức sản lượng đạt được năm 2021.
- Dòng bao Jumbo không đạt kế hoạch năm cả về chỉ tiêu sản xuất và tiêu thụ là do khách hàng giảm sản lượng đặt hàng. Kết quả này dẫn đến việc chỉ đạt được 1 nửa mức sản lượng của năm 2021.
- Doanh thu không đạt kế hoạch năm là do, mặc dù về sản lượng tiêu thụ đạt kế hoạch, tuy nhiên là do Công ty linh hoạt nhật các dòng bao khác nhau để đảm bảo đạt được về mặt số lượng. Về doanh số bán hàng, phụ thuộc giá bán từng dò bao, trong đó dòng bao vượt kế hoạch để bù lại dòng bao hụt kế hoạch không đạt được mức giá bán tương đương nên doanh thu không đạt được kế hoạch đề ra. Kết quả này cũng kéo theo doanh thu năm 2022 chỉ đạt 93% so với kết quả của năm 2021.
- Lợi nhuận không đạt kế hoạch là do doanh thu không đạt kế hoạch. Tuy nhiên so với năm 2021, mức lợi nhuận năm nay đạt cao hơn, là do Công ty đã quản lý chi phí hiệu quả hơn.

2. Tổ chức và nhân sự

- **Danh sách Ban điều hành:.**

a. ÔNG TRẦN ANH TÚ – THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999-2001	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển INVESTPRO	Phó phòng Luật
Từ 2001- 2007	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự	Trưởng Ban Dự án
Từ 2005- 2008	Công ty TNHH VIBank –NGT	Giám đốc Dự án
Từ 2008 - 2009	Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế	Giám đốc điều hành
Từ 05/2009 – 6/2012	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó trưởng Ban Pháp chế
Từ 07/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 812.300 cổ phần, chiếm 19,34% vốn điều lệ.
- + Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trần Đăng Tuấn	Bố đẻ	0	0%
Phạm Thị Thoan	Mẹ đẻ	0	0%
Trần Hải Thanh	Em ruột	0	0%
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%

b. BÀ VÕ THỊ HUỆ - PHÓ GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1989

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 5/2011-3/2012	Công ty TNHH Thanh Bình	Chuyên viên Kinh doanh Xuất khẩu.
Từ 3/2012-9/2012	Công ty TNHH SX-TM-DV Sinh Hùng	Chuyên viên thu mua
Từ 10/2012-5/2014	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chuyên viên Kinh doanh
Từ 5/2014-3/2016	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó phòng Kinh doanh
Từ 4/2016-12/2020	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ 2021 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Võ Khôi Thiêm	Cha	0	0%
Lê Thị Nhỏ	Mẹ	0	0%
Võ Khôi Tin	Anh ruột	0	0%
Trần Thị Kim Thoa	Chị dâu	0	0%
Võ Khôi Tức	Anh ruột	0	0%
Phạm Thị Minh Thuý	Chị dâu	0	0%
Võ Thị Minh	Chị ruột	0	0%
Võ Đình Nhi	Anh rể	0	0%
Võ Thị Xuân	Chị ruột	0	0%
Phạm Gia Long	Con	0	0%

c. ÔNG CAO VĨNH HẬU – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1/2002 - 6/2003	CTCP Đầu tư công nghệ Bách Việt	Kế toán tổng hợp
7/2003 - 10/2004	IDICO CONAC	Kế toán tổng hợp
11/2004 – 2007	Nhà máy sản xuất Bao bì Hương Phong	Kế toán tổng hợp
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.

Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: cổ phần; chiếm 0%% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu của người có liên quan: Không có.
- **Danh sách thay đổi thành viên Ban điều hành trong năm 2022:** Không thay đổi
- **Số lượng cán bộ công nhân viên**

ST T	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	380	100%
-	Trình độ trên đại học	1	0,26%
-	Trình độ đại học, cao đẳng	45	11,84%
-	Trình độ trung cấp	53	13,95%
-	Công nhân kỹ thuật	145	38,16%
-	Lao động phổ thông	136	35,79%
B	Theo loại hợp đồng lao động	380	100%
-	Hợp đồng không thời hạn	230	61%
-	Hợp đồng xác định thời hạn dưới 3 năm	150	39%
C	Theo giới tính	380	100%
-	Nam	157	41%
-	Nữ	253	59%

- **Thu nhập bình quân**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	442	380
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.000.000	10.900.000

- **Chính sách nhân sự:** Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với Công ty, Công ty đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:
 - + Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty.
 - + Chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức đào tạo nội bộ định kỳ để CBCNV liên tục được chia sẻ, cập nhật thông tin để nâng cao hiệu quả công việc.

- + Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- + Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.
- + Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.
- + Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ cán bộ - công nhân viên.
- + Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	255,04	239,54	93,92%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	593,67	552,78	93,11%
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	Tỷ đồng	8,73	9,28	106,54%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(0,148)	(0,133)	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,586	9,15	106,54%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,719	7,14	106,29%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Tỷ đồng	11%	12%	

Tổng tài sản: Chỉ tiêu tổng tài sản của Công ty năm 2022 giảm 6,08% so với năm 2021. Trong đó phần giảm chủ yếu nằm ở tài sản ngắn hạn và chủ yếu do khoản hàng tồn kho giảm xuống do Công ty đã tăng cường giao hàng nên đã giải phóng được lượng thành phẩm tồn kho, NVL, SPDD được siết chặt, kiểm soát tốt hơn.

Doanh thu thuần: năm 2022 đạt 552,78 tỷ đồng, giảm 7% so với năm 2021. Doanh thu giảm là do năm 2022 tình hình khó khăn chung của nền kinh tế sau đại dịch covid, do chiến tranh Nga-Ucraina, làm cho các đơn hàng sụt giảm khá mạnh, do đó doanh thu cũng giảm giảm theo.

Lợi nhuận: Lợi nhuận thực hiện trước thuế và sau thuế năm 2022 tăng cao so với

lợi nhuận thực hiện năm 2021. Chủ yếu do cơ cấu sản phẩm có sự thay đổi, Công ty chú trọng sản xuất những sản phẩm có hiệu quả hơn, đồng thời Công ty cũng siết chặt chi phí mặc dù doanh thu giảm nhưng lợi nhuận có hiệu quả hơn.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,03	1,04
Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,49	0,58
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	74,11%	71,8%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	286,24%	254,63%

Về khả năng thanh toán: Năm 2022 chỉ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng hơn so với năm 2021 là 0,01 điểm, chỉ số khả năng thanh toán nhanh tăng 0,1 điểm.

Về cơ cấu vốn: Tổng nợ trong năm 2022 của Công ty giảm nhẹ nên làm cho hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2021. Số nợ ngắn hạn năm 2022 giảm khá mạnh so với năm 2021 chủ yếu ở khoản mục trả nợ NCC, cty đã trả nợ khá nhiều, và đã hoàn ứng các khoản ứng trước của KH cuối năm. Công ty đã thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB). Mặc dù các chỉ tiêu ổn định ở mức cao, nhưng cùng với kế hoạch chi trả khoản nợ gốc và lãi vay được tính toán cẩn thận, nên các rủi ro về thanh toán của Công ty là trong vòng kiểm soát.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		Năm 2021	Năm 2022	ngày/vòng (2022)
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/tồn kho bình quân)	Vòng	6,5	6,3	56,8
Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân)	Vòng	9,9	8,2	43,8

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Do là đơn vị sản xuất, quá trình sản xuất thường kéo dài nhiều ngày để hoàn thiện đơn hàng hoặc cho 1 lần giao hàng nên số hàng hóa lưu kho thành phẩm thường rất lớn. Do vậy chỉ số vòng quay hàng tồn kho thường thấp hay nói cách khác số ngày lưu kho dài hơn so với những đơn vị thương mại. Năm 2022, bình quân hàng hóa lưu kho khoảng 57 ngày. So với năm trước, hàng tồn kho tăng nhẹ 1 ngày, tốc độ quay vòng hàng hóa giảm nhẹ, chỉ số này giảm từ 6,5 về 6,3 vòng/năm. Đồng thời, trong năm 2022, vòng quay khoản phải thu là 8,2 vòng/năm tương ứng với việc số ngày bán hàng trả chậm là 43,8 ngày.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		Năm 2021	Năm 2022
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,1%	1,3%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	10,2%	10,06
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	2,7%	3%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,4%	1,7%

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Chỉ số lợi nhuận đạt được trong năm 2022 cao hơn so với năm 2021 là do cơ cấu sản phẩm của Công ty có thay đổi theo hướng tăng những sản phẩm hiệu quả đồng thời tiết giảm, siết chặt các chi phí sản xuất.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 4.200.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 4.200.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.200.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông chốt ngày 27/03/2023.

ST T	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	204	4.171.500	41.571.000.000	98,98%
1	Cổ đông nhà nước	0	-	-	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	2	3.500.300	35.003.000.000	83,34%
3	Cổ đông cá nhân	202	663.000	6.630.000.000	15,79%
II	Cổ đông nước ngoài	8	36.700	367.000.000	0,87%
1	Cá nhân	4	21.800	218.000.000	0,52%
2	Tổ chức	4	14.900	149.000.000	0,35%
III	Cổ phiếu quỹ	0	-	-	0,00%
	Tổng cộng	212	4.200.000	42.000.000.000	100,00%

- Danh sách cổ đông lớn

ST T	Tên nhà đầu tư	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	1.820.300	43,34%
2	Công ty TNHH Hương Phong	1.680.000	40,00%

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động tích cực và tiêu cực tới vấn đề môi trường và ngược lại môi trường cũng góp phần tạo nên những thuận lợi hay khó khăn trong việc sản xuất. Mọi hoạt động của Doanh nghiệp đều ảnh hưởng đến môi trường, nhất là đối với những Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nói chung và Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ nói riêng. Hiểu được điều đó, Công ty áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, khí thải, quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được đều đặn, đạt năng suất đồng thời vừa tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu, vừa hạn chế chi phí quản lý vừa góp phần chung tay bảo vệ môi trường. Các biện pháp áp dụng tại Công ty như sau:

a. Biện pháp chung

- Tuân thủ các chỉ tiêu đã đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.
- Các quy trình sản xuất luôn được kiểm tra và tuân thủ theo quy định, hạn chế tối đa việc phát thải ra môi trường. Tuy việc tác động đến môi trường là không thể tránh khỏi nhưng bằng việc tuân thủ theo quy trình, kịp thời sửa chữa những lỗi kỹ thuật sẽ góp phần hạn chế sự tương tác gây ô nhiễm cho môi trường.
- Sử dụng các thiết bị, dây chuyền một cách hiệu quả để tiết kiệm năng lượng và các nguyên liệu thô; hướng đến việc sử dụng những nguồn năng lượng sạch, năng lượng thiên nhiên nhằm không tạo ra những chất độc hại, thải khói bụi ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh Công ty.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động, công nhân viên về tác động tiềm tàng của hoạt động nhà máy đối với môi trường, và các biện pháp thích hợp để giảm thiểu các tác động đó.
- Liên tục theo dõi các tác động của nhà máy đối với môi trường, phân công cán bộ chuyên trách phụ trách về công tác an toàn, vệ sinh, môi trường.

b. Các biện pháp khống chế chất thải

- Khống chế ô nhiễm không khí

- + Bố trí thông thoáng nhà xưởng, đặc biệt là tại các vị trí làm việc có dung môi và hóa chất.

- + Không chế bụi và khí thải: Phun nước, che phủ, lắp đặt hệ thống thông gió, thu bụi, trang bị bảo hộ cho người lao động, vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ca làm việc.
 - + Không chế ô nhiễm hơi hydrocarbon phát sinh trong quá trình gia nhiệt: hệ thống thông gió và mang khẩu trang bảo hộ.
 - + Không chế ô nhiễm khí thải các phương tiện vận chuyển: Sử dụng nhiên liệu ít gây ô nhiễm, đúng với thiết kế động cơ, chuyên chở đúng tải, bảo dưỡng xe định kỳ, chạy tốc độ chậm. Chống nóng: xây nhà xưởng cao, trang bị hệ thống hút gió trên mái, lắp quạt gió cục bộ tại nơi công nhân sản xuất, cung cấp nước mát cho công nhân, trồng cây quanh nhà xưởng,...
- **Không chế ô nhiễm nước thải:** Phương thức chủ yếu là hạn chế nước thải phát sinh, xử lý triệt để nguồn nước thải trước khi đổ ra hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp. Nước thải được chia thành 3 nhóm để xử lý. Nước thải sản xuất và nước thải từ bể phốt được tách riêng xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung.
- + Xử lý nước thải sản xuất: Sử dụng tuần hoàn. Định kỳ thay thế nước. Nước thải chứa cặn được thu gom đưa vào hệ thống xử lý ngăn lắng và vi sinh sau đó thải ra ngoài. Nước thải rửa các khuôn in, thiết bị pha chế bột máy, dầu nhớt máy,... được thu gom bảo quản riêng và thuê đơn vị có chức năng thu gom rác thải nguy hại xử lý. Do đặc điểm là lượng thải ít, nên thời gian thu gom sẽ tiến hành định kỳ từ 3 đến 6 tháng một lần, hoặc có thể tiến hành xử lý đột xuất nếu cần thiết.
 - + Xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được thiết kế thu gom riêng, qua bể tự hoại 3 ngăn, sử dụng Clorin để xử lý.
 - + Xử lý nước mưa: Nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước thông qua song chắn rác, qua bể lắng cát và đưa vào cống thoát nước Khu công nghiệp.
- **Không chế ô nhiễm chất thải lỏng:** Chất thải lỏng có ảnh hưởng tới môi trường chủ yếu là màu in, nhưng số lượng không nhiều; mặc dù vậy, màu in dư thừa sẽ được thu gom và bảo quản để sử dụng cho các lô hàng tiếp theo; màu in không còn sử dụng nữa sẽ được thu gom trong các phuy hoặc thùng kín và sẽ tiến hành xử lý như đối với chất thải rắn, do đơn vị có chức năng xử lý môi trường tiến hành.
- **Không chế ô nhiễm chất thải rắn:** Việc thu gom các chất phế thải rắn có tính chất nguy hại sẽ được thực hiện liên tục và tập trung tại vị trí nhất định (được quy hoạch thành khu vực riêng biệt), được phê duyệt của cơ quan quản lý môi trường, các chất thải này sẽ được đơn vị có chức năng và được phép mang đi xử lý. Công ty sẽ ưu tiên việc hoán trả bao bì cho nhà cung cấp để giảm chi phí bao bì cũng như giảm chi phí xử lý.
- + Chất thải rắn công nghiệp có nguồn gốc từ nguyên liệu nhựa PP, PE: Toàn bộ chất thải này được sử dụng thông qua máy tái chế làm nguyên liệu cho sản xuất chính.

- + Chất thải sản xuất rắn không nguy hại khác: Đối với nhựa thì đưa vào tái chế, đối với giấy thì thu gom bán phế phẩm cho các nhà máy giấy.
- + Chất thải rắn nguy hại: Chất thải rắn nguy hại chủ yếu gồm: bao bì, thùng chứa các loại mực in, dung môi, cặn dầu, giẻ lau, bóng đèn neon, với khối lượng khoảng 200kg/tháng. Rác thải này được thu gom, xử lý theo 2 hướng: (i) đối với thùng chứa mực in, dung môi thì bán hoặc trao đổi lại cho nhà sản xuất; (ii) đối với cặn dầu, giẻ lau, bóng đèn thì thu gom vào xô rác có nắp đậy (số lượng khoảng 70 kg/tháng) và thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý rác thải nguy hại thu gom 3 đến 6 tháng 1 lần.
- + Chất thải rắn sinh hoạt: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày vào khu vực chứa rác thải sinh hoạt, sau đó được công ty môi trường đô thị thu gom 2 lần/ tuần.
- **Tỷ lệ trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy:** Cây xanh sẽ được duy trì trồng xung quanh nhà xưởng nhằm tạo cảnh quan thiên nhiên, cải thiện trao đổi không khí và hạn chế sự phát tán ô nhiễm bụi, ồn, khí thải ra xung quanh. Cùng với đường xá, sân bãi, tổng diện tích cây xanh và đường xá sân bãi được đảm bảo trên 20% diện tích đất sử dụng.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Trong năm sử dụng 6.000 tấn hạt nhựa để sản xuất sản phẩm. Tỷ lệ phế phẩm trong năm 2022 là 6%, trong đó phế phẩm được tái sinh là 90% và 100% nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm của Công ty. Với ngành nghề sản xuất bao bì như Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ, việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế có một ý nghĩa nhất định nếu thực sự khai thác tốt nguồn tái chế này. Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn khuyến khích công nhân nhà máy sử dụng nguyên vật liệu đúng và đủ nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Tổng điện năng tiêu: 6.020.000 kWh/năm. Đối với doanh nghiệp sản xuất như Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất nhiều. Công ty đánh giá với mức sử dụng như trên là hợp lý. Ngoài ra, ý thức được việc sử dụng điện ở mức hợp lý là điều cả xã hội hiện đang quan tâm, Công ty chú ý đề ra các biện pháp như: giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm... tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy và phòng làm việc, tắt các thiết bị điện khi không sử dụng. Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý năng lượng, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng học giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.

6.4. Tiêu thụ nước:

- Nước là nguồn tài nguyên vô giá nhưng lại không vô tận, chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn rất cần thiết nhất là việc sử dụng nước vào trong sản xuất với một lượng lớn như hiện nay. Do hệ thống sản xuất sử dụng nước tuần hoàn nên lượng nước sử dụng tại Nhà máy chủ yếu cho mục đích sinh hoạt. Công ty sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước sạch cung cấp với tổng lượng nước sử dụng 60.000 m³ trong năm vừa qua. Ban lãnh đạo Công ty lưu ý về các phòng ban những quy định về ý thức tiết kiệm nước bằng các biện pháp:
 - + Khóa kỹ các vòi nước khi không dùng, sửa chữa ngay khi có dấu hiệu nhỏ giọt.
 - + Kiểm tra và khắc phục rò rỉ ống nước định kỳ để có biện pháp khắc phục nhanh nhất.
 - + Tận dụng nước sử dụng nhiều lần.
 - + Các biện pháp khác

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- + Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- + Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổng số lượng lao động bình quân trong năm là 485 người và đến thời điểm cuối năm 2022 là 380 người. Mức lương trung bình đạt được là 10.9 triệu đồng/người/tháng.
- Công ty có 1 cán bộ y tế chăm sóc, tư vấn sức khỏe cho CBCNV hàng ngày. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám phụ khoa cho CBCNV nữ 2 lần/năm; khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV 2 lần/năm. Tính đến thời điểm hiện nay tại Công ty không có CBCNV nào bị mắc bệnh nghề nghiệp. Công ty duy trì chế độ ăn ca 25.000đ/suất ăn, bồi dưỡng hiện vật hàng ngày cho CBCNV làm tại vị trí được xác định là tiếp xúc với độc hại; hỗ trợ tiền thuê nhà trọ cho CBCNV ở xa với mức 200.000đ/người/tháng, tổ chức tặng quà bằng hiện vật hoặc bằng tiền vào các ngày lễ, sự kiện quan trọng của Công ty.
- Hoạt động đào tạo nghề chủ yếu được thực hiện đối với những lao động trực tiếp sản xuất. Người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty sẽ được đào tạo nghề từ 1-3 tháng tùy bộ phận sản xuất. Định kỳ hàng tháng, CBCNV Công ty được tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, trung bình 2 tiếng/tháng. Hàng năm người lao động được tái đào tạo an toàn cũng như quy trình công nghệ, vận hành đối với mỗi loại máy móc thiết bị. Đối với CBCNV khối gián tiếp và quản lý Công ty chú trọng các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp, những kỹ năng mềm như: kỹ năng bán

hàng, chăm sóc khách hàng, các kỹ năng về quản lý sản xuất; lập kế hoạch; kỹ năng giải quyết công việc hiệu quả,...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Ưu tiên tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương,
- Tích cực hưởng ứng và đóng góp cho các cuộc phát động gây quỹ như quỹ phòng chống bão lụt, thiên tai, ...
- Trao quà an sinh xã hội cho con em có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách tại địa phương nhân các dịp ngày Thương binh liệt sỹ, ngày khai giảng năm học.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Bối cảnh thực hiện kế hoạch:
 - + Nền kinh tế thế giới chịu tác động kép từ đại dịch covid-19 chưa kịp khôi phục và cuộc chiến tranh Nga – Ukraina từ cuối năm 2021 đến nay đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp, lương thực, thực phẩm, nguyên vật liệu – những ngành chính sử dụng bao bì. Sự phát triển nội tại của chính những lĩnh vực đó cũng như sự ảnh hưởng về vận tải, về nguồn nhân lực... trong chuỗi cung ứng liên quan đến bao bì đều bị tổn hại nặng nề. Các biện pháp đối phó với chiến tranh tiếp tục ngăn trở giao thương kinh tế, phá vỡ các chuỗi cung ứng từ sản xuất nông nghiệp, nguyên vật liệu cho tới những sản phẩm cuối cùng cung cấp cho cuộc sống như lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc, vật liệu xây dựng... đã khiến sản xuất tiếp tục ngừng trệ, hàng hóa vật chất hạn chế. Lạm phát tăng cao tại các nước, đồng nội tệ của các nước mất giá so với đồng USD, dẫn tới các bên tiêu thụ phải bỏ nhiều tiền hơn để mua bao bì đóng gói. Với chi phí lên cao hơn so với giá bán của chính sản phẩm của họ, dẫn tới việc ngừng sản xuất, ngừng nhập hàng, ngưng mua bao bì... Tất cả những yếu tố đó ảnh hưởng một cách trực tiếp đến ngành bao bì nói chung và Công ty Bao bì nói riêng, đặc biệt nặng nề hơn đối với những đơn vị sản xuất có tỷ lệ xuất khẩu cao, như tại Công ty Bao bì tỷ lệ hàng xuất khẩu chiếm tới hơn 50% trong tổng sản lượng toàn Công ty. Thực tế, tại Công ty, các khách hàng xuất khẩu đều giảm sản lượng đặt hàng, giãn tiến độ nhận hàng, thậm chí có khách hàng dừng đặt hàng kể từ Quý 3/2022.
 - + Trong nước, cũng chịu tác động từ việc suy giảm toàn cầu nói chung, sản lượng nội địa sụt giảm, Các khách hàng nội địa khác cũng trong tình trạng cắt giảm sản xuất dẫn đến giảm sản lượng đặt hàng.
- Kết quả đạt được:
 - + Năng lực sản xuất tăng lên: Trong 6 tháng đầu năm, Công ty tổ chức sản xuất đạt mức sản cao nhất từ trước đến nay, trung bình trên 6tr bao thành phẩm/tháng, đạt được mức sản lượng cao nhất là 7,6 triệu sản phẩm vào tháng 3/2022; sản lượng tạo sợi là 20 tấn/ngày và dệt là 190 nghìn m/ngày, đạt mức cao nhất là 22 tấn sợi/ngày và 235 nghìn mét vải dệt/ngày vào thời điểm tháng 3/2022.
 - + Công tác kỹ thuật sản xuất: có phần cải tiến đáng kể, đáp ứng điều kiện sản

xuất trong điều kiện cạnh tranh gay gắt về mẫu mã và giá thành sản phẩm. Các giải pháp công nghệ liên tục được tìm tòi và đưa vào ứng dụng nhằm giảm tiêu hao nguyên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng đối với chất lượng sản phẩm cũng như quy cách mẫu mã.

- + Công tác kiểm soát chất lượng hàng hóa: Thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ từng công đoạn sản phẩm. Ngoài việc KCS kiểm tra theo tần suất quy định, cảnh báo lỗi sản phẩm đến quản lý các Bộ phận ngay khi phát hiện để điều chỉnh kịp thời, mỗi công nhân vận hành cũng là 1 KCS, thực hiện giám sát sản phẩm, đánh giá, ghi chép kết quả kiểm tra định kỳ trong thời gian sản xuất nhằm tăng tần suất kiểm tra, giám sát kết quả sản xuất tại từng công đoạn.
- + Công tác quản lý chi phí: Duy trì tốt việc kiểm soát chặt chẽ chi phí quản lý. Mặc dù tình hình suy thoái kinh tế nói chung, sụt giảm sản lượng vào đầu năm nên Công ty phải gánh thêm phần chi phí cố định đối với toàn nhà máy. Tuy nhiên, nhờ việc kiểm soát tốt chi phí hoạt động nên mức lợi nhuận đạt được vẫn bám sát được kế hoạch đề ra.
- + Quản lý công nợ: Bằng các giải pháp kiên trì và quyết liệt, Công ty duy trì mức nợ quá hạn ở mức thấp nhất, dưới 15% so với tổng doanh thu. Do đặc thù của ngành sản xuất bao bì, đồng thời trước áp lực cạnh tranh, công nợ thường kéo dài từ 45-60 ngày. Do vậy, tổng số dư nợ bình quân hàng tháng bằng khoảng 150% doanh thu.
- + Quản lý hàng hóa, sắp xếp mặt bằng: Sắp xếp mặt bằng tổng thể, quy hoạch gọn gàng theo tiêu chí dễ kiểm, dễ tìm, dễ quản lý và thuận tiện cho việc di chuyển hàng hóa. Hiện mặt bằng sản xuất được giám sát chặt chẽ hàng ngày để đảm bảo chỉ để tồn tại hàng hóa đang trong quá trình sản xuất. Đối với hàng hóa thành phẩm hoàn thành sản xuất phải được nhập kho, hoặc hàng hóa xuất dư phải được tái nhập kho nhằm bảo quản và kiểm soát được hàng hóa.
- + Năng lực quản lý, ý thức của người lao động được tăng lên.
- + Mặc dù từ quý 3, chịu ảnh hưởng chung từ tác động của suy thoái kinh tế, khách hàng giảm sản lượng đặt hàng. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì hoạt động sản xuất liên tục. Nhờ việc đẩy mạnh công tác thị trường và chấp nhận các đơn hàng vải manh, đơn hàng nhỏ, lẻ... sản lượng tiêu thụ đã bù lại phần thiếu hụt của dòng bao hoàn chỉnh và đạt kế hoạch đề ra. Đồng thời, duy trì việc làm và tăng hiệu suất khai thác máy.
- + Duy trì được thu nhập của người lao động trong điều kiện sản xuất bị thu hẹp: Giữ nguyên lương của khối gián tiếp cũng như định mức đơn giá sản phẩm.
- Tồn tại:
 - + Việc kiểm soát chất lượng mới đạt được ở mức phát hiện và xử lý hiện trạng, chưa hệ thống hóa thành cơ sở dữ liệu dùng chung để các bộ phận có thể nhận biết những vấn đề phát sinh tại khâu trước, hay đưa ra những cảnh báo cần lưu ý trong quá trình sản xuất tiếp theo hoặc lần sản xuất sau.

2. Tình hình tài chính: Như phần II mục 4

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm Công ty thành lập Chi nhánh là Nhà máy sản xuất Bao bì Jumbo trên cơ

sở tách phân xưởng thử nghiệm Jumbo để tạo được sự hoạt động độc lập tương đối, đồng thời xây dựng Nhà máy Jumbo đạt tiêu chuẩn FSSC 22 000 và đã được cấp giấy chứng nhận vào tháng 11/2022.

- Công ty thực hiện tách Phân xưởng Tạo sợi – Dệt thành hai phân xưởng độc lập là Phân xưởng Tạo sợi và Phân xưởng Dệt, tạo sự kiểm soát chất lượng sản phẩm được chặt chẽ hơn theo tiêu chí khâu trước là khách hàng của khâu sau cũng như việc quản lý nhân sự có hiệu quả hơn.
- Trong năm qua, Công ty tiếp tục có những cải tổ nội tại: tăng cường công tác đào tạo, chú trọng đến các biện pháp giảm phế, đề ra mục tiêu nhằm tăng cường công tác cải tiến tại từng Bộ phận. Các yêu cầu này được duy trì thực hiện và giám sát, đánh giá định kỳ. Bước đầu đạt được những kết quả đáng ghi nhận khi các Bộ phận tìm mọi cách để thực hiện mục tiêu đề ra, đồng thời lại tiếp tục đặt ra mục tiêu mới, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung trong toàn Công ty.
- Nêu cao công tác giám sát, kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ nội quy lao động, nội quy sản xuất, phạt vi phạm với các lỗi do chủ quan, ý thức cá nhân gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty.
- Tổ chức công tác thống kê, giám sát số liệu sản xuất một cách chặt chẽ để kiểm soát được việc hao hụt, thất thoát thành phẩm tại từng công đoạn.
- Hệ thống máy móc thiết bị được bổ sung đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất. Công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị được chú trọng nhằm duy trì hoạt động ổn định của hệ thống thiết bị và giảm thiểu thời gian dừng máy do gặp sự cố.
- Duy trì niềm yết công khai định mức lao động áp dụng cho từng sản phẩm, từng công đoạn để người lao động hiểu rõ và chủ động tính toán được thu nhập, cố gắng tăng năng suất để tăng thu nhập.
- Đã thực hiện kiểm soát phế theo ngày, đánh giá và phân tích nguyên nhân gây phế, trên cơ sở đó đề ra các biện pháp tiết giảm phế tại từng khâu, từng công đoạn nhằm đạt được mục tiêu hạ thấp tỷ lệ phế xuống dưới 5%.
- Chú trọng việc giám sát sắp xếp mặt bằng sản xuất, lắp đặt bổ sung hệ thống giá kệ chất hàng, phân chia khu vực rõ ràng cho từng bộ phận quản lý và chịu trách nhiệm trên mặt bằng phạm vi được giao. Nhờ vậy hàng hóa được kiểm soát chặt chẽ kể cả trong quá trình sản xuất lẫn lưu kho.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Công ty xác định các mục tiêu kế hoạch để phát triển như sau:
 - + Quản lý và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.
 - + Duy trì khai thác năng suất máy > 90% công suất thiết bị.
 - + Thời gian dừng máy do sự cố thiết bị <1% so với tổng thời gian vận hành.
 - + Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, với giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.
 - + Đáp ứng 100% nhu cầu bao bì chứa phân bón cho Tổng Công ty Phân bón và

Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) và các đơn vị thành viên PVFCCo. Đáp ứng tối đa nhu cầu cho các khách hàng trong và ngoài nước trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả.

- + Hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến khách hàng, nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
 - + Bảo đảm quyền lợi của người lao động và lợi ích của cổ đông.
 - + Bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả, chế độ đãi ngộ xứng đáng cho người lao động.
 - + Tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, củng cố liên kết ngành hiệu quả, nâng cao kỹ năng và tay nghề làm việc tổng thể.
 - + Không vi phạm các quy định về việc minh bạch thông tin áp dụng đối với các công ty đã niêm yết.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
- + Luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu cho công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc gây ảnh hưởng/ tác động xấu đến môi trường.
 - + Luôn coi trọng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm theo thỏa thuận với khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
 - + Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
 - + Sản xuất kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm với cộng đồng
- Chỉ tiêu chính của Kế hoạch năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2023
1	Sản lượng sản xuất		
-	Bao truyền thống	Tr.b	50,00
-	Bao Jumbo	Ngh.b	600,00
2	Sản lượng tiêu thụ		
-	Bao truyền thống	Tr.b	50,00
-	Bao Jumbo	Ngh.b	600,00
3	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	381,568
4	Tổng chi phí	Tỷ.đ	373,629
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	7,939
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	6,351
7	Vốn Điều lệ	Tỷ.đ	42

- Giải pháp thực hiện kế hoạch:

a. Công tác kinh Doanh, điều độ sản xuất

- + Tăng cường công tác tiếp xúc khách hàng thông qua việc tham gia Hội chợ, đến trực tiếp gặp khách hàng và các kênh liên lạc điện tử theo quy trình, kế

hoạch rõ ràng để thể hiện sự chuyên nghiệp và đáng tin cậy.

- + Xác định khách hàng mục tiêu tại từng thời điểm và thực hiện theo kế hoạch tiếp cận thị trường.
- + Chú trọng tiếp cận khách hàng bao thực phẩm.
- + Luôn đổi mới và cập nhật hình ảnh hoạt động, tăng tương tác với khách hàng, mạng xã hội để lan rộng hình ảnh của Công ty.
- + Duy trì tham gia đào tạo nội bộ để hiểu rõ về sản phẩm, về sản xuất để nâng cao chất lượng tư vấn cho khách hàng.
- + Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, chính sách bán hàng.
- + Đẩy nhanh việc số hóa và ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất để tăng độ chính xác, giảm thời gian xử lý công việc.

b. Công tác kỹ thuật công nghệ và quản lý thiết bị sản xuất

- + Xây dựng được hệ thống dữ liệu, thông số kỹ thuật của từng dòng sản phẩm, duy trì cập nhật và công khai thông tin để khâu sau nhận biết các vấn đề đang cần phải xử lý do khâu trước gây ra đồng thời có cơ sở dữ liệu lịch sử để tham khảo khi triển khai sản phẩm lặp lại.
- + Duy trì kiểm soát chặt chẽ công tác quản lý chất lượng, hạn chế sản phẩm hỏng/lỗi/phế.
- + Nghiên cứu ứng dụng công thức phối trộn nguyên vật liệu, chọn loại nguyên vật liệu, các giải pháp công nghệ sản xuất tối ưu giảm giá thành, gia tăng giá trị sản phẩm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường trong và ngoài nước.
- + Cụ thể, chi tiết thực hiện kế hoạch bảo dưỡng định kỳ để vận hành ổn định, hiệu suất cao, tăng tuổi thọ của máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng hoạt động. Chủ động kiểm tra, đánh giá hàng ngày tình trạng hoạt động của thiết bị để có phương án dự phòng kịp thời, hạn chế tối đa thời gian dừng máy do gặp sự cố.

c. Công tác quản lý vốn và chi phí

- + Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tăng cường phòng ngừa rủi ro về tài chính.
- + Tăng cường kiểm soát nội bộ, kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất để đánh giá hiệu quả kịp thời.
- + Kiểm soát chặt chẽ hoạt động tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, bàn giao giữa các công đoạn.
- + Duy trì tính kịp thời trong công tác quyết toán đơn hàng.
- + Tăng cường công tác đánh giá, phân tích hiệu quả tài chính của các phương án kinh doanh.
- + Cơ cấu lại nguồn vốn phù hợp với tình hình SXKD của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục.

d. Công tác tổ chức nhân sự

- + Đẩy mạnh công tác đào tạo và đào tạo lại để tranh thủ cải tổ những vấn đề liên

- quan đến tổ chức bộ máy quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, kỹ thuật;
- + Tinh gọn lao động theo hướng tiếp tục tuyển dụng để thanh lọc và lựa chọn lao động có chất lượng. Chú trọng lực lượng lao động quản lý cấp trung, đáp ứng yêu cầu nhân sự khi cần thay thế, điều chuyển.
 - + Theo sát quá trình đào tạo công nhân học việc, hướng dẫn, giải thích thấu đáo để người lao động mới hiểu việc, yên tâm về chế độ làm việc;
 - + Cải tiến công tác đào tạo, tuyển dụng để công tác tiếp nhận thông tin trực diện, dễ hiểu;
 - + Thường xuyên rà soát, đánh giá chất lượng lao động để sắp xếp, bố trí công việc hợp lý.
 - + Triển khai xây dựng và duy trì áp dụng các yêu cầu sản xuất để đáp ứng tiêu chuẩn dòng bao bì cao cấp như đạt chứng nhận tiêu chuẩn an toàn thực phẩm – FSSC, tiêu chuẩn xuất khẩu vào các thị trường Hồi giáo – Halal... giúp làm gia tăng giá trị sản phẩm, phẩm cấp và nâng tầm Công ty lên nhóm các Công ty sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì cao cấp.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội:

- **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:** Người chịu triển khai các chính sách vấn đề về môi trường trong Công ty là Giám đốc Công ty. Theo đó, việc triển khai cụ thể các chính sách môi trường được phân công cho Phòng Kỹ thuật Sản xuất chịu trách nhiệm. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định. Định kỳ thực hiện các báo cáo về công tác an toàn – sức khỏe – môi trường đến các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương. Trong năm 2022, Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được đều đặn, đạt năng suất đồng thời cũng tiết kiệm vừa hạn chế chi phí quản lý vừa góp phần chung tay bảo vệ môi trường. Năm 2022, tại Công ty không xảy ra tình huống vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường và không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường
- **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Người lao động được chăm lo đầy đủ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cuộc sống. Công ty đã ban hành các quy định liên quan trực tiếp đến người lao động theo đúng Bộ Luật lao động, đảm bảo tính dân chủ và phù hợp với tình hình kinh doanh, mô hình quản lý của Công ty cổ phần niêm yết. Các chính sách đang thực hiện đã thể hiện sự quan tâm cao của Công ty đến lợi ích chính đáng của người lao động nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.
- **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương:** Công tác xã được Công ty quan tâm, chú trọng thông qua việc tạo công ăn việc làm cho người lao động ở địa phương và các hoạt động thiện nguyện tại địa phương nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng tại địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu suy giảm do ảnh hưởng giai đoạn hậu dịch bệnh Covid-19 và chiến tranh Nga – Ukraina đã khiến hoạt động của các doanh nghiệp trong nước nói chung và của Công ty Bao bì đã phải đối mặt với vô vàn khó khăn và hệ quả của cuộc khủng hoảng này đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khiến kết quả sản xuất kinh doanh sụt giảm mạnh trong nửa cuối năm. Mặc dù một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh còn một số chỉ tiêu chưa đạt được kế hoạch đề ra, tuy nhiên, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành khi đạt được kết quả như vậy. Trong bối cảnh rất nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, tạm dừng sản xuất, việc Công ty chỉ thu hẹp sản xuất nhưng vẫn duy trì được hoạt động sản xuất liên tục, giữ được công ăn việc làm cho gần 400 lao động đó là thành quả đáng được ghi nhận. Công ty cũng tuân thủ các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường và được ghi nhận kết quả không vi phạm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Kết thúc năm 2022, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra. Ban điều hành đã tổ chức triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT một cách đầy đủ, kịp thời giúp hoạt động sản xuất – kinh doanh tại công ty ổn định và có hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục tổ chức công việc của HĐQT theo hướng tăng cường trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả trong điều hành của Ban điều hành.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng quý và đột xuất (nếu cần) trên tinh thần các cuộc họp có hiệu quả, giải quyết được những vấn đề cần thiết cho Công ty và những kiến nghị của Ban điều hành.
- Cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền phê duyệt/cho ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định, phù hợp với tình hình mới.
- Chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty.
- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, mô hình công ty niêm yết và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ, công tác phòng ngừa rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác khi ĐHCĐ giao.
- Theo sát diễn biến của dịch bệnh để linh hoạt đưa ra các chính sách ứng phó và chủ động trong công tác tổ chức sản xuất an toàn và hiệu quả.
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG TRẦN THƯỢNG TÍN – CHỦ TỊCH HĐQT

- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành Tổ chức và quản lý vận tải
Cử nhân kinh tế, ngành quản trị kinh doanh
Đại học ngân hàng, Tiền tệ - tín dụng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1990 -1991	Trung tâm Tài chính tín dụng Côn Đảo – Thuộc Công ty Phát triển kinh	Nhân viên kế toán
Từ 1992 – 1998:	Công ty Đầu tư Xây Dựng và Thương Mại Tỉnh Bà Rịa - Vũng	Kế toán tổng hợp.
Từ 1998 - 2003	Công ty Đầu tư Xây Dựng và Thương Mại Tỉnh Bà Rịa - Vũng	Phó phòng Tài chính – Kế toán
Từ 2003- 2004	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Tài chính – Kế toán
Từ 2004 - 2015	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán trưởng
Từ 2015 - 2022	Công ty TNHH Hương Phong	Phó Giám đốc
Từ 2022 – nay	Công ty TNHH Hương Phong	Giám đốc
Từ 04-06/2019	Công ty Cp Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Hội đồng quản trị
Từ 06/2019 đến nay	Công ty Cp Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Hương Phong
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện cho Công ty TNHH Hương Phong: 1.428.000 cổ phần, chiếm 34% vốn điều lệ.
 - Những người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong nắm giữ 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn Điều lệ.

ÔNG TRẦN ANH TÚ – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999-2001	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển INVESTPRO	Phó phòng Luật
Từ 2001- 2007	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự	Trưởng Ban Dự án
Từ 2005- 2008	Công ty TNHH VIBank –NGT	Giám đốc Dự án
Từ 2008 - 2009	Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế	Giám đốc điều hành
Từ 05/2009 – 6/2012	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó trưởng Ban Pháp chế
Từ 07/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 812.300 cổ phần, chiếm 19,34% vốn điều lệ.

Những người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần chiếm 43,34% vốn điều lệ.

ÔNG LÊ HỒNG QUÂN – THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/1995 – 03/2000	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Chuyên viên kế toán
Từ 04/2000 – 01/2002	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Phó phòng Kế toán
Từ 02/2002 – 07/2007	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Kế toán trưởng
Từ 08/2007 – 08/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Phó phòng TCKT
Từ 09/2007 – 12/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Kế toán trưởng
Từ 01/2008 - 04/2009	Công ty tư vấn QLDA điện lực Dầu khí 2	Kế toán trưởng
Từ 05/2009 - 04/2010	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Phó Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng
Từ 05/2010 – nay	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	UV BCH Đảng bộ,
Từ 4/2012 – nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	TV HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 504.000 cổ phần, chiếm 12% vốn điều lệ.
 - Những người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần chiếm 43,34% vốn điều lệ.

ÔNG CAO VĨNH HẬU – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm sinh: 1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------

1/2002 - 6/2003	CTCP Đầu tư công nghệ Bách Việt	Kế toán tổng hợp
7/2003 - 10/2004	IDICO CONAC	Kế toán tổng hợp
11/2004 – 2007	Nhà máy sản xuất Bao bì Hương Phong	Kế toán tổng hợp
2007 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: cổ phần; chiếm 0%% vốn điều lệ.
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có.

ÔNG NGUYỄN HỮU DŨNG – THÀNH VIÊN HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/10/1968
- Nơi sinh: Ân Phú – Vũ Quang – Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 042068000352; Ngày cấp 27/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/1998 - 7/2003	Khách sạn Vũng Tàu – Công ty Đầu tư phát triển Xây dựng – Bộ Xây dựng	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính
8/2003 - 8/2019	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính
Từ 9/2019 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Chánh Văn phòng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 252.000 cổ phần (Công ty TNHH Hương Phong), chiếm 6% vốn điều lệ

- Người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong sở hữu 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn điều lệ.

b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các phiên họp HĐQT chính thức và xin ý kiến bằng văn bản được ban hành thông qua Nghị quyết cuộc họp trong năm 2022 như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ - HĐQT	13/01/2022	NQ thông qua việc thuê tài chính mua máy cắt may lồng	100%
2	02/BB - HĐQT	30/03/2022	Biên bản Họp HĐQT Quý 1.2022	100%
3	03/NQ - HĐQT	30/03/2022	Nghị quyết Họp HĐQT Quý 1.2022	100%
4	04/QĐ - HĐQT	30/03/2022	QĐ bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	100%
5	05/BB - HĐQT	30/03/2022	Biên bản họp về việc thành lập Chi nhánh Công ty.	100%
6	06/NQ- HĐQT	30/03/2022	Nghị quyết họp thông qua thành lập Chi nhánh Công ty.	100%
7	07/ BB - HĐQT	04/04/2022	Biên bản họp về việc tách xưởng Tạo sợi - Dệt.	100%
8	07/ NQ - HĐQT	04/04/2022	Nghị quyết họp về việc tách xưởng Tạo sợi - Dệt.	100%
9	11/BB - HĐQT	05/05/2022	Biên bản Họp HĐQT Quý 2.2022	100%
10	12/NQ - HĐQT	05/05/2022	Nghị quyết Họp HĐQT Quý 2.2022	100%
11	13/BB - HĐQT	22/06/2022	Biên bản họp thông qua việc ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng.	100%
12	14/NQ - HĐQT	22/06/2022	Nghị quyết họp thông qua việc ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng VCB.	100%
13	15/BB - HĐQT	11/07/2022	Biên bản thông qua việc ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng với các Ngân hàng.	100%
14	16/NQ - HĐQT	11/07/2022	Nghị quyết thông qua việc ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng với các Ngân hàng.	100%
15	17/BB - HĐQT	11/07/2022	Biên bản thông qua việc ký kết	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định.	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Hợp đồng hạn mức tín dụng với TP Bank	
16	18/BB -HĐQT	22/07/2022	Biên bản thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán FAC	100%
17	19/NQ -HĐQT	22/07/2022	Nghị quyết thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán FAC	100%
18	20/NQ - HĐQT	8/8/2022	Biên bản thông qua việc ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng với MB Bank	100%
20	21/BB - HĐQT	28/09/2022	Biên bản Hội HĐQT Quý 3.2022	100%
21	22/NQ - HĐQT	28/09/2022	Nghị quyết Hội HĐQT Quý 3.2022	100%
22	23/BB - HĐQT	30/12/2022	Biên bản Hội HĐQT Quý 4.2022	100%
23	24/NQ - HĐQT	30/12/2022	Nghị quyết Hội HĐQT Quý 4.2022	100%

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2022, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.
- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc tham giám sát triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT. Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến các thành viên thông qua hình thức phiếu xin ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty. Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã

tổ chức các phiên họp chính thức và cho ý kiến bằng văn bản. Các nội dung đã được thông qua như sau:

- + Phê duyệt và giao triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
- + Thông qua kế hoạch tổ chức và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- + Thông qua việc thuê tài chính mua máy cắt may lồng;
- + Thành lập Chi nhánh Công ty;
- + Tách phân xưởng Tạo sợi – Dệt thành 2 phân xưởng độc lập là Phân xưởng Tạo sợi và Phân xưởng Dệt;
- + Phê duyệt hạn mức công nợ phải thu từng quý;
- + Phê duyệt hạn mức và ký hợp đồng tín dụng với các Ngân hàng tín dụng tại các ngân hàng;
- + Phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022;
- + Thực hiện chia cổ tức năm 2021;
- + Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022;
- + Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2023.

f. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm qua, các nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được HĐQT triển khai đầy đủ. Các ý kiến đề xuất của các cổ đông được các thành viên HĐQT chỉ đạo thực hiện.
- Tổ chức cuộc họp: HĐQT Công ty đã họp định kỳ và bất thường theo đúng quy định để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, sau mỗi cuộc họp đều có biên bản và nghị quyết triển khai thực hiện.
- Lấy ý kiến bằng văn bản: Kịp thời lấy kiến các thành viên trong HĐQT để triển khai các thủ tục liên quan đến công tác quản lý, đầu tư, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban hành văn bản pháp chế: Kịp thời ban hành/sửa đổi tất cả quy chế, quy định để thích ứng với những thay đổi theo quy định mới của Nhà nước.
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành: Thường xuyên giám sát hoạt động của BDH thông qua các báo cáo hoạt động định kỳ quý, năm và các yêu cầu báo cáo phát sinh. Trên cơ sở đó chỉ đạo Ban điều hành triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

g. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Trần Thượng Tín, Trần Anh Tú, Cao Vĩnh Hậu, , Lê Hồng Quân
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

ÔNG CHU XUÂN HẢI – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2006 - 05/2007	Văn Phòng Đại Diện DIO Implant tại Việt Nam	Nhân viên kinh doanh
06/2007 - 06/2008	Ngân hàng TMCP Nam Việt	Chuyên viên quan hệ khách hàng
07/2008 - 06/2010	Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN Tân Bình	Chuyên viên Khách hàng Doanh Nghiệp
06/2010- 06/2011	Ngân hàng TPCP Liên Việt Phòng Giao Dịch Tân Sơn Nhất	Quyền Giám Đốc
08/2011 - 10/2011	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam CN Gia Định	Phó phòng kiêm trưởng nhóm Khách hàng doanh
10/2011 – đến nay	Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán
Từ 2013 đến nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần, chiếm 43,34% vốn điều lệ.

BÀ NGUYỄN THỊ THU OANH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 20/10/1972
- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1996 - 5/2008	Công ty Liên Doanh Cityview	Chuyên viên kế toán
5/2008 - 10/2009	Công ty Liên Doanh Cityview	Phó phòng kế toán
10/2009 đến nay	TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ năm 2011 đến nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí sở hữu 1.820.300 cổ phần, chiếm 43,34% vốn điều lệ.

ÔNG PHẠM VĂN KHÁNH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Ngày sinh: 18/11/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1986 – 8/1989	Trung đoàn 434, Quân đoàn 4	Chiến sỹ tài vụ Trung đoàn 434
9/1989 – 8/1983	XN Cơ điện lạnh, Công ty đầu tư xây dựng và thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh
9/1993 – 12/1997	Trường đại học Mở Bán Công TP HCM và Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Học đại học và là Nhân viên phòng kế hoạch –kinh doanh
1/1997 – 12/1998	Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh
1/1999 – 05/2003	Công ty phát hành phim và chiếu bóng Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Kế toán tổng hợp
6/2003- 12/2003	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán tổng hợp

12/2003-10/2016	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế toán
10/2016 - 2022	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán trưởng
Từ 2022 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Phó Giám đốc
05/2008 – nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: PGĐ- Công ty TNHH Hương Phong
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: Công ty TNHH Hương Phong sở hữu 1.680.000 cổ phần chiếm 40% vốn điều lệ.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Được sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát đã giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.
- Trong năm 2022 Ban Kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp để đánh giá kết quả kiểm tra giám sát và thảo luận về kế hoạch kiểm tra giám sát quý tiếp theo và thực hiện lấy ý kiến bằng email các vấn đề: Báo về hoạt động của Ban Kiểm soát; Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát; Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm;
- Ban Kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra giám sát hàng quý đến HĐQT, Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty đồng thời đã có những kiến nghị về việc: Kiểm soát công nợ và thu hồi các khoản nợ quá hạn, kiểm soát hàng tồn kho; đẩy mạnh công tác kinh doanh dòng bao jumbo; kiểm soát chi phí; kiểm soát các khoản vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động nằm trong hạn mức được phê duyệt; giảm tỷ lệ nợ trên tổng tài sản nâng cao khả năng thanh khoản;
- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề trong phiên họp;
- Trong năm 2022 Ban Kiểm soát không nhận được khiếu nại nào về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BDH.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao thực nhận (đ)	Ghi chú
	Hội đồng quản trị			
1	Trần Thượng Tín	Chủ tịch	53.333.333	
2	Trần Anh Tú	Thành viên	46.666.667	
3	Lê Hồng Quân	Thành viên	46.666.667	
4	Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	31.111.111	

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao thực nhận (đ)	Ghi chú
5	Cao Vĩnh Hậu	Thành viên	46.666.667	
	Ban Kiểm soát			
1	Chu Xuân Hải	Trưởng Ban	40.000.000	
2	Phạm Văn Khánh	Thành viên	26.666.667	
3	Nguyễn Thị Thu Oanh	Thành viên	26.666.667	
	Ban điều hành			
1	Trần Anh Tú	Giám đốc	678.531.808	
2	Võ Thị Huệ	Phó Giám đốc	464.157.410	
3	Cao Vĩnh Hậu	Kế toán trưởng	468.203.328	
	Tổng Cộng		1.610.892.546	

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Trần Thượng Tín	Người nội bộ	270	0,006%	0	0	Bán
2	Trần Anh Tú	Người nội bộ	20.000	0,47%	100	0,002%	Bán
	Trần Đăng Tuấn	Bố	10.000	0,23%	0	0%	Bán
	Phạm Thị Thoan	Mẹ	10.000	0,23%	0	0%	Bán
	Trần Thị Hải Thanh	Em gái	10.000	0,23%	0	0%	Bán
3	Phạm Văn Khánh	Người nội bộ	270	0,006%	0	0	Bán
4	Cao Vĩnh Hậu	Người nội bộ	4.600	0,1%	0	0	Bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Cổ đông lớn	Theo đơn đặt hàng mua bán bao bì năm 2022.	10/NQ – ĐHĐCĐ 28/04/2022	Mua bán bao bì 454 tỷ	
2	Các Công ty con của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Người có liên quan của cổ đông lớn	Theo đơn đặt hàng mua bán bao bì năm 2022.	10/NQ – ĐHĐCĐ 28/04/2022	Mua bán bao bì 167 tỷ	
3	Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn	Thuê theo năm Ký phụ lục hàng năm	04/NQ - HĐQT 28/04/2021	1,05 tỷ	
4	Công ty Cp Loistic CEA Hương Phong	Công ty con của Cổ đông lớn	Hàng tháng, theo lịch giao hàng.	04/NQ - HĐQT 28/04/2021	Thuê vận chuyên 172 triệu	

- d.** Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

Công ty chưa bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập là do Công ty chưa tìm được ứng viên phù hợp để tiến hành bầu. Nội dung này đã được báo cáo đến các cổ đông và đề nghị các cổ đông cùng Công ty tiếp tục tìm ứng viên và sẽ trình đề xuất bầu khi tìm thấy ứng viên phù hợp.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp thuận toàn bộ
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 SAU KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Tại ngày 31/12/2022)***Đơn vị: VND**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	172.855.954.729	186.471.291.087
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	13.319.099.295	13.788.531.411
1. Tiền	111	13.319.099.295	3.788.531.411
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	82.089.105.911	66.905.351.376
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	73.880.613.270	60.742.915.078
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3.786.234.142	2.133.542.930
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.422.258.499	4.028.893.368
IV. Hàng tồn kho	140	76.326.010.676	98.034.497.308
1. Hàng tồn kho	141	76.326.010.676	98.034.497.308
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.121.738.847	7.742.910.992
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	934.060.709	883.199.589
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	187.678.138	6.859.711.403
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	66.684.500.205	68.572.287.534
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	1.828.070.280	1.397.854.800
6. Phải thu dài hạn khác	216	1.828.070.280	1.397.854.800
II. Tài sản cố định	220	60.239.748.849	63.383.582.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	48.766.155.323	52.808.029.169
- Nguyên giá	222	148.893.666.497	143.973.954.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(100.127.511.174)	(91.165.925.341)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11.473.593.526	10.575.552.998
- Nguyên giá	225	17.836.217.794	13.651.216.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(6.362.624.268)	(3.075.663.568)
3. Tài sản cố định vô hình	227		
- Nguyên giá	228	353.242.000	353.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(353.242.000)	(353.242.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	2.464.041.839	710.675.950
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.464.041.839	710.675.950
VI. Tài sản dài hạn khác	260	2.152.639.237	3.080.174.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2.152.639.237	3.080.174.617
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	239.540.454.934	255.043.578.621

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)
(Tại ngày 31/12/2022)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	171.994.676.649	189.011.777.979
I. Nợ ngắn hạn	310	166.936.353.723	181.312.688.730
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19.922.876.085	34.148.565.490
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.422.131.495	37.008.615.869
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1.348.333.233	2.017.134.140
4. Phải trả người lao động	314	10.660.109.062	9.646.371.330
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2.416.814.261	3.150.553.238
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	970.685.887	3.014.705.227
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	126.145.420.392	90.609.812.496
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	1.049.983.308	1.716.930.940
II. Nợ dài hạn	330	5.058.322.926	7.699.089.249
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.058.322.926	7.699.089.249
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	67.545.778.285	66.031.800.642
I. Vốn chủ sở hữu	410	67.545.778.285	66.031.800.642
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	42.000.000.000	42.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	4.702.789.696	4.702.789.696
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	13.613.614.087	12.605.700.041
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	7.229.374.502	6.723.310.905
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	87.482.813	3.883.932
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	7.141.891.689	6.719.426.973
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	239.540.454.934	255.043.578.621

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	549.741.343.737	594.202.927.093
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.224.307.244
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	549.741.343.737	591.978.619.849
4. Giá vốn hàng bán	11	491.556.044.063	535.570.284.987
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	58.185.299.674	56.408.334.862
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.812.364.638	1.645.257.772
7. Chi phí tài chính	22	9.788.296.534	8.112.413.119
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	7.273.872.347	6.833.764.917
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		
9. Chi phí bán hàng	25	14.335.825.350	15.810.364.315
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.592.940.823	25.396.464.174
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30	9.280.601.605	8.734.351.026
12. Thu nhập khác	31	223.832.507	42.744.270
13. Chi phí khác	32	357.021.249	191.001.148
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(133.188.742)	(148.256.878)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	9.147.412.863	8.586.094.148
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.005.521.174	1.866.667.175
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	7.141.891.689	6.719.426.973

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.147.412.863	8.586.094.148
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12.556.449.975	12.120.813.360
- Các khoản dự phòng	03	-	(160.918.110)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	357.676.237	(138.122.340)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.625.569)	(3.912.195)
- Chi phí lãi vay	06	7.273.872.347	6.833.764.917
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.324.785.853	27.237.719.780
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	-6.685.296.080	(2.835.885.786)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	21.708.486.632	13.252.190.441)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	-49.217.714.629	13.410.570.650
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.357.350.210	210.414.095
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.212.996.112)	(6.811.706.955)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.688.361.306)	(1.525.071.144)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	510.000.000	150.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-2.184.861.678	(4.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-15.088.607.111	16.579.350.199
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.685.362.694)	-7.826.218.836
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	90.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.722.127	3.912.195
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-13.587.640.567	(7.822.306.641)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	412.383.156.943	458.217.215.331
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.822.749.716)	(2.167.945.796)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.598.420.340)	(4.324.142.945)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	28.206.926.796	(7.574.300.487)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	-469.320.882	1.182.743.071
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.788.531.411	12.588.823.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-111.234	16.964.928
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	13.319.099.295	13.788.531.411

Nơi nhận:

- Như kính gửi:
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC

Trần Anh Cửu